

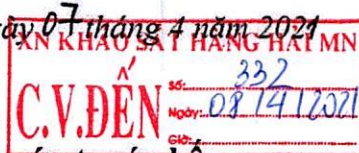


Tổng công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
08-04-2021 11:02:13 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 84 /TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 4 năm 2021



THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Thông số kỹ thuật luồng, vùng quay tàu và khu nước trước bến
Hydrocarbon thuộc Dự án Tổ hợp Hóa dầu miền Nam Việt Nam

VTU - 14 - 2021

- Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Tên luồng: Luồng hàng hải chuyên dùng vào cầu cảng Hydrocarbon thuộc Bến cảng chuyên dùng Dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam

Căn cứ Đơn đề nghị số 21195/LSP-DA ngày 02/4/2021 của Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn về thông số kỹ thuật luồng, vùng quay tàu và khu nước trước bến Hydrocarbon thuộc Dự án Tổ hợp Hóa dầu miền Nam Việt Nam; Báo cáo kết quả khảo sát địa hình số 387/BC-XNKSHHMN ngày 31/3/2021 kèm theo các bình đồ kỹ hiệu LSON_2103_01 đến LSON_2103_06 tỷ lệ 1/1000; RQ.LSON_2103_01 đến RQ.LSON_2103_03 tỷ lệ 1/2000 do Xi nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 3/2021 và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

1. Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải rộng 220m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, như sau:

1.1. Tim luồng được xác định bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
CM0	10°24'03,2" N	107°02'06,2" E	10°23'59,5" N	107°02'12,6" E
CM1	10°24'15,5" N	107°02'08,4" E	10°24'11,8" N	107°02'14,9" E
CM2	10°25'42,9" N	107°02'24,7" E	10°25'39,3" N	107°02'31,2" E

1.2. Không chế biên luồng được xác định bởi các điểm có tọa độ như sau:

- Biên phải luồng:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
M0	10°23'55,7" N	107°02'13,2" E	10°23'52,0" N	107°02'19,7" E
M1	10°24'11,4" N	107°02'11,3" E	10°24'07,7" N	107°02'17,8" E
M3	10°25'34,8" N	107°02'26,9" E	10°25'31,1" N	107°02'33,3" E

- Biên trái luồng:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
M2	10°24'24,1" N	107°02'06,4" E	10°24'20,5" N	107°02'12,8" E
M4	10°25'36,1" N	107°02'19,8" E	10°25'32,4" N	107°02'26,2" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt từ 14,50 m trở lên.

2. Trong phạm vi khảo sát vùng nước neo đậu tàu số 1, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
N1	10°25'49,1" N	107°02'30,6" E	10°25'45,4" N	107°02'37,1" E
N2	10°25'59,7" N	107°02'19,3" E	10°25'56,0" N	107°02'25,8" E
N3	10°26'02,3" N	107°02'18,9" E	10°25'58,6" N	107°02'25,4" E
N4	10°26'03,7" N	107°02'19,7" E	10°26'00,0" N	107°02'26,1" E
N5	10°26'05,7" N	107°02'19,4" E	10°26'02,0" N	107°02'25,8" E
N6	10°26'06,8" N	107°02'18,4" E	10°26'03,1" N	107°02'24,9" E
N7	10°26'10,1" N	107°02'17,9" E	10°26'06,4" N	107°02'24,4" E
M11	10°26'10,7" N	107°02'22,0" E	10°26'07,0" N	107°02'28,4" E
M9	10°26'10,0" N	107°02'22,5" E	10°26'06,3" N	107°02'29,0" E
M7	10°26'00,1" N	107°02'26,2" E	10°25'56,4" N	107°02'32,6" E
M5	10°25'46,2" N	107°02'32,6" E	10°25'42,5" N	107°02'39,1" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt từ 12,50 m trở lên.

3. Trong phạm vi khảo sát vùng nước neo đậu tàu số 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
N1	10°25'49,1" N	107°02'30,6" E	10°25'45,4" N	107°02'37,1" E
N14	10°25'60,0" N	107°02'19,0" E	10°25'56,3" N	107°02'25,5" E
N13	10°25'59,9" N	107°02'18,8" E	10°25'56,3" N	107°02'25,3" E
N12	10°26'02,3" N	107°02'18,5" E	10°25'58,6" N	107°02'24,9" E
N11	10°26'02,9" N	107°02'17,4" E	10°25'59,2" N	107°02'23,9" E
N10	10°26'05,9" N	107°02'17,0" E	10°26'02,2" N	107°02'23,4" E
N9	10°26'06,7" N	107°02'17,6" E	10°26'03,0" N	107°02'24,1" E
N8	10°26'10,0" N	107°02'17,2" E	10°26'06,3" N	107°02'23,6" E

M12	10°26'09,3" N	107°02'12,7" E	10°26'05,6" N	107°02'19,1" E
M10	10°26'07,6" N	107°02'11,1" E	10°26'04,0" N	107°02'17,5" E
M8	10°25'58,1" N	107°02'12,4" E	10°25'54,4" N	107°02'18,9" E
M6	10°25'41,0" N	107°02'16,4" E	10°25'37,4" N	107°02'22,9" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt từ 14,50 m trở lên.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến Hydrocarbon số 1, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A1	10°26'01,4" N	107°02'20,0" E	10°25'57,7" N	107°02'26,5" E
A2	10°26'01,6" N	107°02'21,5" E	10°25'58,0" N	107°02'27,9" E
A3	10°26'08,1" N	107°02'20,5" E	10°26'04,4" N	107°02'27,0" E
A4	10°26'07,9" N	107°02'19,1" E	10°26'04,2" N	107°02'25,5" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt từ 12,59 m trở lên.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến Hydrocarbon số 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
A5	10°26'09,8" N	107°02'16,4" E	10°26'06,2" N	107°02'22,8" E
A6	10°25'58,9" N	107°02'18,0" E	10°25'55,2" N	107°02'24,4" E
A7	10°25'58,1" N	107°02'12,8" E	10°25'54,5" N	107°02'19,3" E
A8	10°26'07,5" N	107°02'11,5" E	10°26'03,8" N	107°02'17,9" E
A9	10°26'08,9" N	107°02'12,8" E	10°26'05,3" N	107°02'19,3" E
A10	10°26'09,1" N	107°02'13,8" E	10°26'05,4" N	107°02'20,2" E
A11	10°26'09,5" N	107°02'14,1" E	10°26'05,8" N	107°02'20,5" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt từ 16,50 m trở lên.

6. Trong phạm vi Vững quay tàu: Được giới hạn bởi đường tròn đường kính 520 m, tâm tại vị trí có tọa độ như sau:

Tâm Vững quay tàu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
CM2	10°25'42,9" N	107°02'24,7" E	10°25'39,3" N	107°02'31,2" E

- Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 Hải đồ" đạt từ 14,51 m trở lên.

7. Trong phạm vi rà quét chương ngại vật vùng nước luồng, vùng quay tàu vùng nước neo đậu và khu nước trước bến Hydrocarbon thuộc Dự án Tổ hợp Hóa dầu miền Nam Việt Nam được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên không phát hiện chương ngại vật nguy hiểm.

- Để biết thêm thông tin chi tiết liên hệ với Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn ⁽¹⁾./. *Th*

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, HTQT&QLHT, KT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH_{Bình}

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

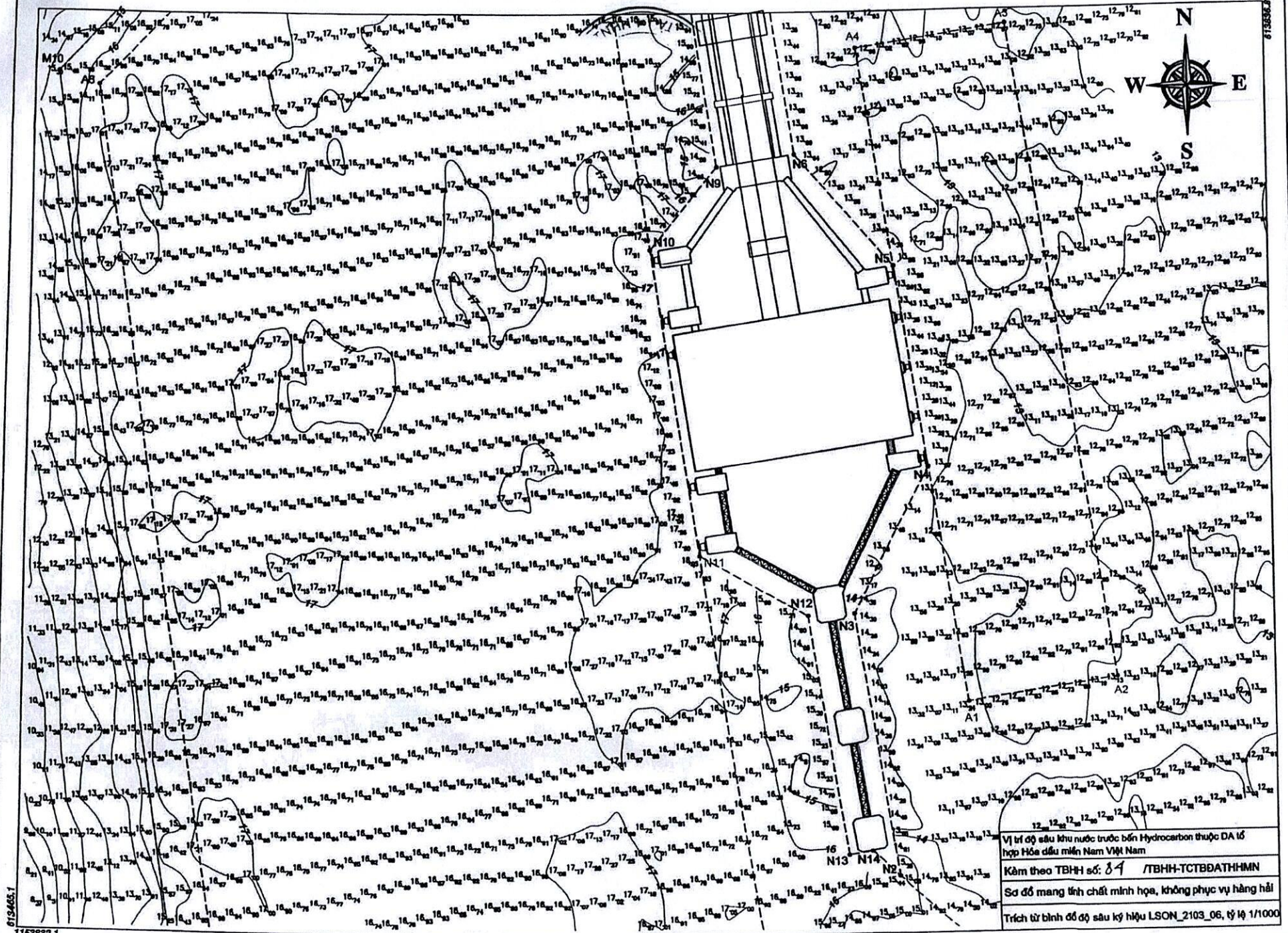


Trần Đức Thi

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|---|---|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 15 Cty Vận tải Thủy Bắc |
| 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 16 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I |
| 3 Chi Cục Đường sông phía Nam | 17 Cty Vận tải biển Sài Gòn |
| 4 Cục Cảnh sát biển | 18 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM |
| 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 19 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP) | 20 Cảng Sài Gòn |
| - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 21 XN Tàu dịch vụ dầu khí |
| - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP) | 22 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I |
| - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans) | 23 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng |
| - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping) | 24 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam |
| - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS) | 25 Chi nhánh Tcty BDATHHMN tại TPHCM |
| 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam | 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam | 27 Đài Thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO) | 28 Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng |
| - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC) | 29 Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu |
| - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC) | CÁC SỞ GTVT VÀ NT&PTNT CÁC TỈNH |
| - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE) | 30 Bà Rịa - Vũng Tàu |
| - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON) | 31 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |
| - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang | 32 Cty TNHH Hóa dầu Long Sơn |
| 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) | |
| 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh | |
| 10 Đài Thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh | |
| 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO) | |
| 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) | |
| 13 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (VITRANSCHART) | |
| 14 Cty Vận tải xăng dầu đường biển | |

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.



Vị trí đồ sấu khu nước trước bồn Hydrocarbon thuộc DA tổ hợp Hòa dầu miền Nam Việt Nam	
Kèm theo TBHH số: 84	TBHH-TCTĐBATHMN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải	
Trích từ bình đồ đồ sấu ký hiệu LSON_2103_06, tỷ lệ 1/1000	